

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu và phương án xử lý đối với cổ phiếu không phân phối hết theo chương trình lựa chọn cho Người lao động (Esop) năm 2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Chứng khoán hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 69/25/BVBank/NQ-HĐQT ngày 16/05/2025 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Esop) năm 2024;
- Xét tờ trình số 31/25/BVBank/TTr-VP.HĐQT ngày 24/06/2025 Về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu và phương án xử lý đối với cổ phiếu không phân phối hết theo chương trình Esop;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị số 11/06/25/BBKP ngày 25/06/2025 về việc thông qua Phiếu lấy ý kiến Hội đồng quản trị số 11/06/25/PLYK-HĐQT ngày 24/06/2025;
- Căn cứ tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu cho người lao động theo chương trình Esop sau khi hết hạn đăng ký mua, như sau:

- Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã được Người lao động đăng ký và nộp tiền mua: 13.883.850 cổ phiếu (chi tiết tại phụ lục 01) ;
- Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối: 6.116.150 cổ phiếu;

Điều 2. Thông qua phương án xử lý đối với cổ phiếu không phân phối hết theo chương trình Esop, như sau:

- Nguyên tắc xử lý: Theo phương án phát hành và Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn Người lao động đã được HĐQT thông qua, số cổ phiếu do Người lao động được tham gia chương trình Esop không đăng ký mua hết được HĐQT quyết định phân phối lại cho một số đối tượng trong Ngân hàng đáp ứng các tiêu chuẩn tại quy chế. Số lượng cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Số lượng cổ phiếu phân phối lại: 6.116.150 cổ phiếu;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu;



- Đối tượng phát hành: chi tiết danh sách Người lao động tại phụ lục 02;
- Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 25/06/2025 đến hết ngày 01/07/2025;

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Bản Việt. Ông/Bà Tổng giám đốc, các đơn vị và các cá nhân có liên quan của Ngân hàng TMCP Bản Việt có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS (để biết);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



LÊ ANH TÀI

Phụ lục 01

(Đính kèm Quyết định số 86/25/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 25/06/2025)

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
Tổng cộng				20.000.000	13.883.850	6.116.150
1	00179	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ủy ban nhân sự chuyên trách	300.000	300.000	-
2	04365	Phan Thanh Hải	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	147.800	147.800	-
3	04934	Phạm Thị Thảo Nguyên	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	80.000	-	80.000
4	01034	Nguyễn Hoàng Thiên Phương	Thư ký Ban Tổng giám đốc	61.600	61.600	-
5	01259	Lê Hoàng Nam	Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách	123.200	-	123.200
6	04579	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	80.000	80.000	-
7	01042	Phan Thị Hồng Lan	Trưởng Ban Kiểm soát	300.000	300.000	-
8	02545	Vũ Minh Tú	Giám đốc Khối Thẩm định tín dụng	300.000	300.000	-
9	02586	Lý Công Nha	Giám đốc Khối Tài chính	300.000	300.000	-
10	06277	Ngô Minh Sang	Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân	300.000	-	300.000
11	07332	Nguyễn Ngọc Nghiệm	Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp	300.000	300.000	-
12	00609	Lưu Công Toại	Trưởng văn phòng HĐQT	308.400	308.400	-
13	01067	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ	184.800	140.000	44.800
14	04271	Võ Việt Dũng	Phó phòng Kiểm toán nội bộ	88.700	-	88.700
15	04351	Võ Nhật Anh	Phó phòng Kiểm toán nội bộ	49.200	49.200	-
16	02948	Chu Quỳnh Hoa	Trưởng phòng Truyền thông và Thương hiệu	147.800	40.000	107.800
17	07567	Nguyễn Đình An	Giám đốc Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ	73.900	73.900	-
18	01211	Nguyễn Hoàng Thanh Long	Phó phòng Quản lý nợ	61.600	21.600	40.000
19	04140	Trương Lê Hằng Nga	Phó phòng Nhắc nợ Khách hàng cá nhân	49.200	49.200	-
20	05363	Chu Quốc Thông	Phó phòng Hiện trường	72.000	50.000	22.000
21	06415	Trịnh Thị Hương	Phó phòng Hiện trường	55.400	55.400	-
22	04193	Lê Thị Ái Thắm	Giám đốc Trung tâm Quản lý tín dụng	118.200	-	118.200
23	01645	Trần Thị Lam Giang	Phó giám đốc Trung tâm Quản lý tín dụng	73.900	50.000	23.900
24	01062	Trương Thành	Phó Phòng Xử lý giao dịch tín dụng	110.900	110.900	-
25	00323	Nguyễn Trung Thành	Phó phòng Quản lý tín dụng Hội sở	61.600	-	61.600
26	00761	Lý Sơn Cao	Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở	61.600	60.000	1.600

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
27	00101	Nguyễn Thị Tâm	Phó Phòng Xử lý giao dịch tín dụng	92.400	-	92.400
28	00357	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phó Phòng Xử lý giao dịch tín dụng	92.400	-	92.400
29	06028	Lê Thị Xuân Mai	Trưởng Phòng Chính sách & Giám sát nghiệp vụ QLTD	55.400	-	55.400
30	04477	Chung Khánh Sơn	Trưởng phòng Bảo lãnh	60.000	-	60.000
31	05621	Nguyễn Thị An Nhiên	Trưởng phòng Giám sát tín dụng	60.000	60.000	-
32	01151	Nguyễn Phương Dung	Trưởng phòng Nguồn vốn	123.200	121.250	1.950
33	00758	Nguyễn Phước Phú Bảo	Phó phòng Kinh doanh ngoại tệ	73.900	73.900	-
34	00943	Phạm Thế Anh	Trưởng phòng Kinh doanh ngoại tệ	147.800	147.800	-
35	01895	Lê Hoàng Quân	Phó phòng Khách hàng Định chế tài chính	61.600	60.000	1.600
36	07099	Thái Kim Yến	Trưởng phòng Giải pháp thanh toán	55.400	10.000	45.400
37	02987	Đỗ Thành Nam	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Ngân hàng số	61.600	61.600	-
38	02494	Trương Thị Thu Hiền	Trưởng phòng Phát triển sản phẩm Ngân hàng số	92.400	92.400	-
39	00594	Lê Thị Hồng Nhung	Trưởng phòng Quản lý kênh giao dịch Ngân hàng số	110.900	110.900	-
40	05627	Lê Thị Chu Tâm	Trưởng phòng Vận hành Ngân hàng số	60.000	45.000	15.000
41	02936	Đào Thị Ngoan	Trưởng phòng Quản lý dự án	123.200	-	123.200
42	08977	Trần Việt Phương	Phó Giám đốc Khối Tài chính	300.000	-	300.000
43	00556	Huỳnh Mỹ Nghi	Trưởng phòng Kế toán	123.200	40.000	83.200
44	00586	Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó phòng Kế toán	61.600	13.000	48.600
45	06985	Trần Thị Kim Thu	Trưởng phòng Tài chính	61.600	-	61.600
46	04123	Lưu Minh Du	Phó phòng Tài chính	59.100	-	59.100
47	04824	Nguyễn Thị Thùy	Phó phòng Tài chính	48.000	-	48.000
48	07237	Trần Thị Thúy Hằng	Trưởng phòng Phân tích Thông tin tài chính	61.600	-	61.600
49	00402	Dương Trọng Anh	Trưởng phòng Phân tích nghiệp vụ và vận hành ứng dụng	123.200	123.200	-
50	01030	Thượng Hạnh Tâm	Phó phòng Phân tích nghiệp vụ và vận hành ứng dụng	73.900	73.000	900
51	00587	Nguyễn Ngọc Thao	Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	300.000	300.000	-
52	01093	Nguyễn Hồng Quân	Phó phòng Khai thác dữ liệu và Báo cáo	73.900	70.000	3.900
53	00832	Trần Thế Quân	Trưởng phòng Phát triển ứng dụng	221.800	221.800	-
54	02240	Nguyễn Thanh Hà	Phó phòng Phát triển ứng dụng	110.900	110.900	-
55	00151	Tạ Quang Lộc	Trưởng phòng Hạ tầng	147.800	147.800	-

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
56	00930	Phan Anh Khoa	Phó phòng Hạ tầng	73.900	73.900	-
57	00315	Vũ Anh Tuấn	Trưởng phòng Hỗ trợ	123.200	123.200	-
58	00839	Võ Minh Hải	Phó phòng Hỗ trợ	73.900	15.000	58.900
59	05397	Tô Hoàng Nhã	Trưởng phòng Bảo mật và Tuân thủ công nghệ thông tin	80.000	-	80.000
60	05052	Nguyễn Văn Tân	Phó Giám đốc Trung tâm Thẩm định Tín dụng Tổ chức 1	40.000	40.000	-
61	01744	Nguyễn Thị Thùy Trang	Phó Giám đốc Trung tâm Thẩm định Tín dụng Cá nhân	73.900	73.900	-
62	01078	Nguyễn Xuân Khang	Phó Giám đốc Trung tâm Định giá Tài sản bảo đảm	61.600	61.600	-
63	07145	Phạm Văn Cảnh	Giám đốc Trung tâm Thẩm định Tín dụng Tổ chức 2	73.900	73.900	-
64	06456	Hoàng Đăng Khoa	Giám đốc Trung tâm Thẩm định Tín dụng Cá nhân	73.900	73.900	-
65	00705	Nguyễn Phúc Huy	Phó Giám đốc Khối Thẩm định tín dụng	300.000	300.000	-
66	03194	Đào Nguyễn Hải Trung	Trưởng phòng Quản lý dịch vụ khách hàng	118.200	-	118.200
67	03099	Trần Thị Tú Quyên	Phó phòng Kế toán Thẻ	73.900	-	73.900
68	03059	Đoàn Minh An	Phó phòng Dịch vụ khách hàng Thẻ	61.600	-	61.600
69	00571	Lê Thị Kim Trang	Giám đốc Trung tâm Chăm sóc khách hàng	147.800	35.000	112.800
70	02725	Huỳnh Thị Ni Rin	Phó phòng Hỗ trợ khách hàng	61.600	-	61.600
71	01772	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Phó phòng Quản lý chất lượng	61.600	-	61.600
72	03615	Biện Phi Hùng	Phó phòng phụ trách Thanh toán quốc tế	49.200	-	49.200
73	03315	Đào Kim Long	Trưởng phòng Ngân quỹ	98.500	51.000	47.500
74	03821	Nguyễn Lê Mỹ Anh	Trưởng phòng Tác nghiệp kinh doanh vốn	98.500	30.000	68.500
75	07483	Nguyễn Quang Huy	Trưởng phòng Phát triển kinh doanh Khách hàng doanh nghiệp	61.600	61.600	-
76	02140	Mã Thị Huỳnh Lê	Phó phòng Phát triển kinh doanh Khách hàng doanh nghiệp	61.600	61.600	-
77	00070	Võ Quốc Vương	Trưởng phòng Quan hệ khách hàng 2	123.200	123.200	-
78	03946	Lê Nguyễn Chí Cường	Phó phòng Quan hệ khách hàng 2	49.200	49.200	-
79	07497	Đỗ Ngọc Minh Nhật	Trưởng phòng Phát triển sản phẩm	73.900	-	73.900
80	04095	Phạm Tuấn Hưng	Phó phòng Phát triển sản phẩm Khách hàng cá nhân	49.200	49.200	-
81	06418	Trần Thị Diệu	Phó phòng Huy động và Dịch vụ	30.800	-	30.800
82	02833	Nguyễn Như Quỳnh	Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	300.000	300.000	-
83	00388	Bành Ngọc Trung	Phó phòng Pháp chế	73.900	73.900	-
84	05616	Hoàng Lê Đăng Khoa	Trưởng phòng Kiểm soát tuân thủ	96.100	96.100	-

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
85	01065	Nguyễn Việt Đạt	Phó phòng Kiểm soát tuân thủ	73.900	73.900	-
86	01592	Trịnh Trọng Khánh	Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng số	147.800	145.000	2.800
87	07628	Nguyễn Đào Nhật Đăng	Phó phòng Quản lý rủi ro Vận hành	36.900	5.000	31.900
88	03843	Nguyễn Hữu Phước	Phó phòng Quản lý rủi ro Thị trường	59.100	-	59.100
89	03706	Nguyễn Ngọc Pháp	Trưởng phòng Quản lý rủi ro tín dụng	118.200	100.000	18.200
90	05546	Nguyễn Văn Hùng	Trưởng phòng Nhân sự	96.100	96.100	-
91	02746	Nguyễn Thùy Dương	Phó phòng Nhân sự	73.900	30.000	43.900
92	03651	Trần Lê Nhựt Phương	Trưởng phòng Hành chính	118.200	118.200	-
93	01798	Phùng Thanh Vân	Phó phòng Hành chính - Mua hàng	61.600	47.000	14.600
94	04265	Nguyễn Thái Hoàng	Phó phòng Hành chính - Phát triển mạng lưới và Xây dựng cơ bản	59.100	50.000	9.100
95	06484	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Nguồn nhân lực	36.900	36.900	-
96	05434	Phạm Hồng Phúc	Giám đốc Chi nhánh	80.000	10.000	70.000
97	05858	Nguyễn Quốc Đạt	Phó Giám đốc Chi nhánh	40.000	-	40.000
98	04519	Nguyễn Văn Đức	Giám đốc Chi nhánh	80.000	10.000	70.000
99	07798	Lương Trọng Quyền	Giám đốc BVBank	46.200	46.200	-
100	01053	Nguyễn Diệu Phương	Phó Giám đốc Chi nhánh	61.600	61.600	-
101	04686	Phạm Chí Đại	Giám đốc Chi nhánh	96.100	96.100	-
102	04744	Nguyễn Hữu Phú	Giám đốc Chi nhánh	120.100	120.100	-
103	07725	Trần Trung	Giám đốc BVBank	55.400	15.000	40.400
104	00442	Lê Anh Tình	Giám đốc Chi nhánh	221.800	110.000	111.800
105	05177	Trương Tấn Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh	60.000	-	60.000
106	05702	Đặng Thanh Sơn	Giám đốc Chi nhánh	80.000	80.000	-
107	06702	Vũ Thanh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh	73.900	73.900	-
108	06797	Nguyễn Hữu Thọ	Phó Giám đốc Chi nhánh	30.800	30.800	-
109	07104	Nguyễn Thanh Vinh	Phó Giám đốc Chi nhánh	36.900	36.900	-
110	07101	Lê Hồng Thịnh	Giám đốc Chi nhánh	73.900	73.900	-
111	07393	Nguyễn Tấn Tú	Phó Giám đốc Chi nhánh	30.800	-	30.800
112	07620	Trần Anh Tuấn	Giám đốc Chi nhánh	110.900	110.900	-
113	07658	Nguyễn Thế Anh	Giám đốc Chi nhánh	92.400	92.400	-

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
114	03300	Nguyễn Thành Dón	Giám đốc BVBank	49.200	4.000	45.200
115	00653	Sô Văn Na	Giám đốc Chi nhánh	147.800	147.800	-
116	01071	Võ Thị Kim Tuyến	Phó Giám đốc Chi nhánh	61.600	61.600	-
117	07297	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Giám đốc BVBank	30.800	-	30.800
118	03104	Lê Bá Hưng	Giám đốc Chi nhánh	221.800	221.800	-
119	04467	Nguyễn Văn Đức	Giám đốc BVBank	72.000	72.000	-
120	06576	Nguyễn Tiến Hưng	Giám đốc BVBank	36.900	36.900	-
121	03165	Phạm Lê Quốc Trọng	Giám đốc BVBank	49.200	-	49.200
122	00501	Dư Chí Linh	Giám đốc Chi nhánh	147.800	147.800	-
123	00979	Trần Phước Huỳnh	Phó Giám đốc Chi nhánh	110.900	110.900	-
124	02734	Hồ Huỳnh Kim Ngân	Phó Giám đốc Chi nhánh	110.900	110.900	-
125	02513	Từ Lê Hiền Đức	Giám đốc BVBank	73.900	-	73.900
126	02780	Nguyễn Thị Thùy Dung	Giám đốc BVBank	61.600	60.000	1.600
127	02630	Phan Thành Lộc	Giám đốc BVBank	92.400	92.400	-
128	06656	Nguyễn Quân Vương	Giám đốc BVBank	30.800	30.800	-
129	05794	Kim Quý Thiệt	Giám đốc BVBank	30.800	30.800	-
130	04429	Trần Thị Như Huỳnh	Giám đốc BVBank	118.200	35.000	83.200
131	00965	Lâm Ngọc Hải	Giám đốc Chi nhánh	123.200	-	123.200
132	01166	Nguyễn Văn Lý	Phó Giám đốc Chi nhánh	61.600	20.000	41.600
133	04979	Phạm Trà Tua	Giám đốc Chi nhánh	96.100	96.100	-
134	00505	Huỳnh Minh Phúc	Phó Giám đốc Chi nhánh	73.900	73.900	-
135	02968	Tổng Công Hường	Giám đốc BVBank	61.600	61.600	-
136	03680	Lưu Hồng Linh	Giám đốc BVBank	49.200	49.200	-
137	01568	Trương Hữu Huy	Giám đốc BVBank	123.200	123.200	-
138	00962	Nguyễn Quang Hưng	Giám đốc Chi nhánh	221.800	220.000	1.800
139	00981	Lê Hoàng Minh Tuấn	Giám đốc BVBank	147.800	147.800	-
140	01572	Nguyễn Anh Dũng	Phó Giám đốc BVBank	110.900	110.000	900
141	07330	Trần Minh Hải	Giám đốc BVBank	36.900	-	36.900
142	04494	Trần Văn Duy	Giám đốc BVBank	72.000	70.000	2.000

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
143	00953	Phạm Thùy Lan	Giám đốc Chi nhánh	147.800	147.800	-
144	06223	Phạm Thế Anh	Phó Giám đốc Chi nhánh	36.900	36.900	-
145	00338	Nguyễn Ngọc Hà	Giám đốc BVBank	147.800	-	147.800
146	02680	Đoàn Văn Hùng	Giám đốc BVBank	73.900	73.900	-
147	02095	Trần Văn Thắng	Giám đốc BVBank	61.600	-	61.600
148	03031	Trương Văn Thạnh	Giám đốc Chi nhánh	123.200	60.000	63.200
149	03068	Nguyễn Hải Hòa	Phó Giám đốc Chi nhánh	92.400	-	92.400
150	02178	Nguyễn Xuân Hùng	Giám đốc BVBank	61.600	-	61.600
151	02094	Nguyễn Hữu Tâm	Giám đốc BVBank	61.600	-	61.600
152	02277	Lê Minh Trí	Phó Giám đốc BVBank	61.600	-	61.600
153	07124	Giang Văn Quang	Phó Giám đốc Chi nhánh	73.900	70.000	3.900
154	04508	Dương Kông Tiến	Giám đốc BVBank	40.000	40.000	-
155	06327	Nguyễn Thành Đồng	Giám đốc BVBank	30.800	30.800	-
156	03053	Giang Thị Hoài Phương	Giám đốc Chi nhánh	147.800	-	147.800
157	07409	Nguyễn Phi Tuyền	Phó Giám đốc Chi nhánh	30.800	-	30.800
158	03262	Trần Thanh Tinh	Giám đốc BVBank	73.900	-	73.900
159	06730	Ngô Xuân Nam	Giám đốc BVBank	55.400	55.400	-
160	06524	Nguyễn Thế Dân	Giám đốc Chi nhánh	110.900	110.900	-
161	03758	Nguyễn Chiến Thắng	Phó Giám đốc Chi nhánh	177.400	177.400	-
162	07352	Lê Đức Anh	Giám đốc BVBank	30.800	8.000	22.800
163	00171	Nguyễn Thị Chung	Phó Giám đốc BVBank	73.900	73.900	-
164	07242	Trần Tiến Dũng	Phó Giám đốc BVBank	30.800	30.800	-
165	07333	Bùi Văn Hiếu	Giám đốc Chi nhánh	73.900	73.900	-
166	05881	Nguyễn Thành Tính	Giám đốc BVBank	72.000	72.000	-
167	03011	Lâm Thành Lợi	Giám đốc Chi nhánh	147.800	147.000	800
168	07033	Đỗ Hoàng Khấn	Giám đốc BVBank	36.900	3.000	33.900
169	03369	Lê Công Đức	Giám đốc BVBank	73.900	47.000	26.900
170	00983	Nguyễn Huỳnh Giao	Giám đốc Chi nhánh	221.800	220.000	1.800
171	03359	Đào Văn Nhã	Giám đốc BVBank	59.100	59.100	-

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
172	03232	Phạm Công Phong	Giám đốc BVBank	88.700	-	88.700
173	00993	Phạm Trường An	Giám đốc Chi nhánh	221.800	221.800	-
174	02079	Lê Bảo Lộc	Giám đốc BVBank	61.600	-	61.600
175	06328	Nguyễn Hồng Vũ	Giám đốc BVBank	30.800	30.800	-
176	00327	Quách Huy Nam	Phó Giám đốc BVBank	61.600	61.600	-
177	00429	Lê Thị Quỳnh Trang	Giám đốc BVBank	221.800	221.800	-
178	00484	Chu Thị Mỹ Huệ	Phó Giám đốc BVBank	110.900	110.900	-
179	04476	Nguyễn Xuân Diễm	Giám đốc BVBank	40.000	40.000	-
180	00486	Nguyễn Tiến Thuận	Phó Giám đốc BVBank	61.600	61.600	-
181	07185	Đinh Nhật Quân	Giám đốc Chi nhánh	73.900	73.900	-
182	07753	Trịnh Công Dũng	Giám đốc BVBank	36.900	36.900	-
183	06554	Võ Đức Anh	Giám đốc BVBank	36.900	36.900	-
184	01758	Nguyễn Lưu Minh	Giám đốc Chi nhánh	123.200	-	123.200
185	05074	Nguyễn Ngọc Phúc	Phó Giám đốc BVBank	40.000	-	40.000
186	04687	Nguyễn Thanh Nhật	Giám đốc BVBank	72.000	72.000	-
187	07091	Phạm Hùng Năm	Giám đốc BVBank	36.900	36.900	-
188	03801	Vũ Quang Tùng	Giám đốc Chi nhánh	98.500	98.500	-
189	01412	Bùi Thị Thanh Thúy	Giám đốc Chi nhánh	123.200	120.000	3.200
190	02344	Lê Cảnh Lương	Phó Giám đốc Chi nhánh	92.400	50.000	42.400
191	02186	Phạm Thế Vỹ	Phó Giám đốc BVBank	92.400	92.000	400
192	00944	Vương Hồng Kỳ	Giám đốc BVBank	110.900	110.000	900
193	03673	Lê Thị Tố Hoa	Phó Giám đốc BVBank	73.900	73.900	-
194	01083	Nguyễn Hoài Nam	Giám đốc BVBank	61.600	61.600	-
195	03098	Hồ Thị Lan	Phó Giám đốc BVBank	92.400	86.000	6.400
196	04484	Lê Xuân Hùng	Giám đốc BVBank	40.000	-	40.000
197	00033	Quách Kim Thứ	Phó Giám đốc BVBank	61.600	-	61.600
198	05982	Mai Thị Vi	Giám đốc Chi nhánh	73.900	73.900	-
199	05520	Nguyễn Văn Du	Phó Giám đốc Chi nhánh	96.100	96.100	-
200	03430	Phạm Châu Giang	Giám đốc BVBank	88.700	-	88.700

STT	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số Cổ phần được mua	Số Cổ phần đã được đăng ký mua và nộp tiền	Số cổ phần chưa phân phối
201	05859	Huỳnh Tấn Sơn	Giám đốc BVBank	60.000	-	60.000
202	03352	Lại Thế Sơn	Giám đốc BVBank	177.400	-	177.400
203	04983	Nguyễn Văn Tài	Phó Giám đốc BVBank	60.000	-	60.000
204	00495	Lê Quang Dũng	Giám đốc BVBank	73.900	-	73.900
205	03726	Đỗ Ngọc Quang	Phó Giám đốc BVBank	49.200	-	49.200
206	03438	Lê Phước Quang	Giám đốc BVBank	88.700	-	88.700
207	06330	Nguyễn Bảo Quân	Giám đốc Trung tâm kinh doanh	110.900	110.900	-
208	07752	Hứa Quang Hoàng	Phó Giám đốc Trung tâm kinh doanh	36.900	36.900	-
209	AMC01	Huỳnh Bắc Trung	Giám đốc AMC	80.000	80.000	-

Phụ lục 02**(Đính kèm Quyết định số 86/25/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 25/06/2025)**

Stt	Mã CBNV	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần được phân phối
1	00179	Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên Ủy ban nhân sự chuyên trách	500.000
2	04365	Phan Thanh Hải	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	600.000
3	02545	Vũ Minh Tú	Giám đốc Khối Thẩm định tín dụng	700.000
4	02586	Lý Công Nha	Giám đốc Khối Tài chính	700.000
5	00609	Lưu Công Toại	Trưởng văn phòng HĐQT	700.000
6	00402	Dương Trọng Anh	Trưởng phòng Phân tích nghiệp vụ và vận hành ứng dụng	200.000
7	00587	Nguyễn Ngọc Thao	Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	300.000
8	00151	Tạ Quang Lộc	Trưởng phòng Hạ tầng	300.000
9	00930	Phan Anh Khoa	Phó phòng Hạ tầng	200.000
10	00315	Vũ Anh Tuấn	Trưởng phòng Hỗ trợ	316.150
11	01078	Nguyễn Xuân Khang	Phó Giám đốc Trung tâm Định giá Tài sản bảo đảm	300.000
12	00705	Nguyễn Phúc Huy	Phó Giám đốc Khối Thẩm định tín dụng	500.000
13	00070	Võ Quốc Vương	Trưởng phòng Quan hệ khách hàng 2	500.000
14	02833	Nguyễn Như Quỳnh	Phó Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	300.000
Tổng cộng				6.116.150

